

BÁO CÁO

Công tác Cải cách hành chính Quý III năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền;
- Phòng nội vụ huyện.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ báo cáo tình hình triển khai thực hiện công tác Cải cách hành chính Quý III năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ công tác CCHC trọng tâm trong thời gian tới, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch CCHC

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 03/01/2024 về cải cách hành chính gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh xã Quảng Thọ năm 2024. Tại Kế hoạch UBND xã xác định các nhiệm vụ trọng tâm trong 07 lĩnh vực của công tác CCHC.

Tính đến hết Quý III đã thực hiện 22 nhiệm vụ, còn các nhiệm vụ khác sẽ được thực hiện trong thời gian còn lại. UBND xã đã phân định trách nhiệm và thời gian hoàn thành từng nhiệm vụ đối với các bộ phận cụ thể. Nhìn chung công tác CCHC đã được triển khai thực hiện khá nghiêm túc và hoàn thành cơ bản những nhiệm vụ đã đề ra trong Quý III theo kế hoạch.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 282/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền về cải cách hành chính gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh huyện Quảng Điền năm 2024; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 03/01/2024 về cải cách hành chính gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh xã Quảng Thọ năm 2024 và các kế hoạch khác liên quan đến công tác cải cách hành chính.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND xã, công khai các trình tự, thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, các biểu mẫu và các loại phí, lệ phí có liên quan. Đơn giản hoá thủ tục hành chính để thuận lợi cho tổ chức và công dân khi đến giao dịch công việc.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; tích cực tuyên truyền cải cách hành chính trên trang

thông tin điện tử của xã,; tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan.

- Thường xuyên chấn chỉnh, nâng cao chất lượng hoạt động công vụ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Công tác tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của tổ chức và công dân cũng được chú trọng chỉ đạo thực hiện.

3. Về kiểm tra CCHC

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 17/01/2024 về tự kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện ý kiến chỉ đạo năm 2024, thời gian và nội dung kiểm tra: Thời gian kiểm tra công tác cải cách hành chính từ tháng 02/2024 đến thời điểm kiểm tra.

- UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 18/01/2024 về kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2024. Trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, UBND xã đã chỉ đạo công chức Văn phòng - Thống kê xã chuẩn bị các điều kiện để đoàn kiểm tra của xã làm việc và thực hiện đúng tiến độ kiểm tra theo kế hoạch đề ra.

- Mục đích của kiểm tra nhằm Đánh giá đúng tình hình chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả sử dụng thời gian làm việc tại cơ quan; chấn chỉnh, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách. Phát hiện và kiến nghị khắc phục những sai sót hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm những hành vi vi phạm các quy định hiện hành của nhà nước; nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trong quản lý, chỉ đạo, điều hành công việc, ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính nâng cao hiệu quả triển khai công tác cải cách hành chính tại UBND xã.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

- Ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2024 của UBND xã về công tác tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024. UBND xã đã thường xuyên chỉ đạo công chức Văn hóa - Xã hội xã phối hợp với các bộ phận liên quan và Đài truyền thanh xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến về chương trình CCHC nhằm nâng cao nhận thức về CCHC cho toàn thể cán bộ, công chức và người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác CCHC đối với sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của xã; phát hiện, nhân rộng các gương tiêu biểu, cách làm hay trong triển khai thực hiện công tác CCHC. Hình thức tuyên truyền được đa dạng hóa thông qua tuyên truyền tại Hội nghị và tuyên truyền thông qua các buổi tập huấn các phần mềm, tập huấn ISO, truyền thông qua hệ thống đài truyền thanh của xã.

- Chỉ đạo ban biên tập Trang thông tin điện tử xã duy trì và nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục CCHC, vận động sử dụng các kênh thông tin, truyền thông khác để tuyên truyền công tác CCHC. Trong Quý III

năm 2024, Ủy ban nhân dân xã đã đăng tải 18 tin, bài về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ (<https://quangtho.thuathienhue.gov.vn>). Ngoài ra, UBND xã còn thực hiện nhiều bài tuyên truyền về CCHC trên Fanpage “Công thông tin xã Quảng Thọ” trên mạng xã hội Facebook.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Trong Quý III năm 2024, tiếp tục được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của địa phương, công tác CCHC trên địa bàn tiếp tục có những chuyển biến tích cực, cụ thể là:

1. Cải cách thể chế

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 13/12/2023 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2024; Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 13/12/2023 về kiểm tra văn bản QPPL năm 2024; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 15/01/2024 về xây dựng văn bản QPPL 2024.

- Đã chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND xã phối hợp các ngành liên quan chủ động tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính thông thường để trình HĐND-UBND quyết định. Trong quá trình ban hành văn bản UBND xã đã tăng cường chỉ đạo việc thực hiện rà soát các loại văn bản không còn hiệu lực để bãi bỏ, đồng thời bổ sung các văn bản mới ban hành khi soạn thảo văn bản. HĐND xã đã ban hành văn bản được thể hiện trong Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong Quý III năm 2024, việc xây dựng và ban hành các văn bản QPPL được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, Hội đồng Nhân dân xã đã ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật: Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân xã về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2024.

- Thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND huyện, văn bản hướng dẫn của Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp huyện Quảng Điền. UBND xã Quảng Thọ đã tập trung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật gắn với từng lĩnh vực trọng tâm, phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế của địa phương. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2024 về việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn xã Quảng Thọ năm 2024 và Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 04/4/2024 về việc tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đợt I năm 2024. Trên cơ sở đó, đã phân công các ban ngành, đoàn thể tùy theo nhiệm vụ và tình hình thực tế của lĩnh vực mình phụ trách để triển khai thực hiện.

2. Cải cách TTHC

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành kế hoạch về công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024; kế hoạch về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024. Đồng thời tổ chức triển khai thực hiện các nội dung năm trong kế hoạch theo đúng tiến độ và thời gian đề ra.

- Tiến hành niêm yết công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, UBND huyện, UBND xã trên trang thông tin điện tử xã, niêm yết tại nơi giải quyết TTHC, đồng thời khuyến khích tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng khác; cập nhật, cấu hình điện tử các TTHC trên phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung; chỉ đạo đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả thông qua phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung, công khai đầy đủ các khoản phí, lệ phí, lập các biểu bảng, sổ theo dõi để cập nhật, bổ sung việc công khai các danh mục TTHC mới đảm bảo việc giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh.

- UBND xã đã vận dụng sáng tạo giải pháp hỗ trợ niêm yết, tra cứu thông tin TTHC và nộp hồ sơ trực tuyến bằng mã QR Code. Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND xã Quảng Thọ đã triển khai bảng niêm yết gồm hơn 32 mã QR Code tương ứng với hơn 130 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên tất cả các lĩnh vực nhằm hỗ trợ công dân đăng nhập, tra cứu và thực hiện các TTHC, nộp hồ sơ trực tuyến. Là địa phương đầu tiên của tỉnh áp dụng cách làm sáng tạo nhằm thực hiện hiệu quả chương trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử.

- Từ 06/6/2024 đến 05/9/2024, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND xã đã tiếp nhận 515 hồ sơ, trong đó: hồ sơ trực tuyến 442/515 đạt 85,8%; truyền thống 73 hồ sơ. Đã giải quyết 508 hồ sơ, trong đó: trước hạn và đúng hạn 507 hồ sơ (99,8%), trễ hạn 1 hồ sơ; đang giải quyết 7 hồ sơ, trong đó: chưa đến hạn 7 hồ sơ, đã quá hạn 0 hồ sơ.

- Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể UBND xã đã niêm yết công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, khiếu nại trên trang thông tin điện tử của xã để tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Trong Quý III, UBND xã không nhận được bất cứ phản ánh nào liên quan đến quy định hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/04/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; đảm bảo sử dụng biên chế tại UBND xã không vượt quá so với tổng số biên chế được giao.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy đảm bảo hợp lý, khoa học, tinh gọn hoạt động có hiệu quả. Ban hành quyết định củng cố, kiện toàn bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại. Đổi mới quy trình, lề lối làm việc để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của công dân, tổ chức.

- Tiến hành xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, tận tụy phục vụ nhân dân. Xác định cụ thể các chức danh và tiêu chuẩn công chức phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ.

*Tổng số cán bộ, công chức: 20 người. Trong đó:

- Về trình độ chuyên môn: Đại học 20 người, chiếm tỷ lệ 100%
- Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị 01 người, chiếm tỉ lệ 5%, Trung cấp lý luận chính trị 17 người, chiếm tỷ lệ 85%.

4. Cải cách chế độ công vụ

- UBND xã đã xây dựng và ban hành Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 11/4/2024 về vị trí việc làm và số lượng cán bộ, công chức xã Quảng Thọ, trình UBND huyện phê duyệt.

- Tiếp tục thực hiện các văn bản của UBND tỉnh và UBND huyện về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý nhà nước trên địa bàn huyện Quảng Điền, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc, văn hóa công sở, nâng cao chất lượng giải quyết công việc đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng.

- UBND đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện công tác CCHC trên địa bàn xã nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện công tác dân vận chính quyền, nâng cao chỉ số CCHC của xã, thực hiện nghiêm kỷ luật kỷ cương hành chính và văn hóa công sở tại cơ quan. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các văn bản liên quan đến việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh.

- Đã ban hành Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND xã về việc phân công công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã, nhiệm kỳ 2021-2026 và Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND xã về việc phân công nhiệm vụ đối với công chức và người hoạt động không chuyên trách UBND xã, nhiệm kỳ 2021-2026.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng: trong Quý III đã cử trên 5 lượt cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn. Nhìn chung, sau khi được đào tạo, bồi dưỡng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên rõ rệt, đã vận dụng tốt những kiến thức được đào tạo, bồi dưỡng vào thực tiễn công việc, góp phần tích cực vào việc hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện cơ chế tự chủ theo nghị định 130/2005/NĐ-CP về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và tài sản công, cơ chế tài chính cho các loại hình tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước; Đầu năm xây dựng dự toán ngân

sách trình HĐND xã thông qua, bao gồm kinh phí hoạt động và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính, khối Đảng, Mặt Trận, các đoàn thể chính trị... đã giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong quá trình tổ chức, hoạt động bộ máy, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, đảm bảo chi tiêu hợp lý, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện tốt hơn quy chế dân chủ ở cơ quan đơn vị, đồng thời UBND xã luôn quan tâm đến chế độ, chính sách của cán bộ, công chức một cách công khai, minh bạch, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức; thực hiện nghiêm quy chế chi tiêu nội bộ trong cơ quan.

- Đã triển khai tốt các chính sách thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội tại cơ quan.

- UBND xã thực hiện thu ngân sách theo kế hoạch được HĐND xã giao và thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo tiến độ theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch về ứng dụng công nghệ Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 03/01/2024 về chuyển đổi số năm 2024.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 26/5/2022 về triển khai số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã giai đoạn 2022 -2025 và các văn bản liên quan đến triển khai công tác chuyển đổi số, kết quả triển khai hoàn thiện chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số trên địa bàn cụ thể:

a) Nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT cấp Xã

- Đã tiến hành nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT tại xã: xây dựng, triển khai đi vào hoạt động phòng điều hành xã thông minh với diện tích 40m² đáp ứng yêu cầu làm việc với các trang thiết bị: 02 bộ máy vi tính kèm 06 màn hình hiển thị, 02 màn hình Tivi hiển thị 65 inch, 02 màn hình Led kích thước 160 x 260 cm (cao x dài) phục vụ họp trực tuyến, hội thảo, quan sát, theo dõi qua hệ thống camera đã được lắp, ngoài ra còn trang bị thêm máy in màu, máy scan đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ. Bổ sung trang thiết bị cho Bộ phận TN&TKQ UBND xã cũng như trang thiết bị phục vụ thực hiện nhiệm vụ của CBCC xã.

- Nâng cấp đường truyền Internet, trong đó: Nâng cấp đường truyền CPNet nội bộ của cơ quan phục vụ các hoạt động chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã. Nâng cấp đường truyền internet phục vụ hoạt động của phòng điều hành xã thông minh lên gói cước có lưu lượng lớn hơn.

- UBND xã triển khai hệ thống camera được kết nối vào phòng điều hành xã thông minh phục vụ quan sát các điểm xung yếu, hay ngập lụt trong mùa mưa bão, cũng như những điểm trung tâm tại các thôn nhằm góp phần đảm bảo an ninh trật tự tại địa bàn.

b) Các hệ thống chính quyền số cấp xã

- UBND xã triển khai ứng dụng Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành trong thể chế cán bộ, công chức xã, mọi hoạt động ban hành văn bản đi và thao

tác xử lý văn bản đến đều được thực hiện trên phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành, 100% văn bản đi được ký số theo quy định. Hoạt động giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công tập trung với phương châm “Thân thiện - đơn giản - đúng hẹn” được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Thực hiện báo cáo số liên thông đến Văn phòng Chính phủ trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính cùng các hệ thống báo cáo khác của tỉnh theo yêu cầu.

- Tiến hành thành lập và đưa vào hoạt động Trang Fanpage “Cổng thông tin xã Quảng Thọ” trên mạng xã hội Facebook, đây là kênh thông tin tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cũng như các hoạt động trên địa bàn xã, đồng thời là kênh tương tác, trao đổi trực tiếp của chính quyền với Nhân dân bên cạnh Trang thông tin điện tử xã.

- Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đã được áp dụng đồng bộ.

c) Xây dựng các Hệ thống thông tin, triển khai các nội dung phục vụ cho Xã hội số

- Hệ thống internet đã phủ khắp các thôn trên địa bàn xã, đã tiến hành lắp 09 điểm Wifi công cộng trên địa bàn xã (08 nhà văn hóa thôn và 01 điểm tại khu lưu niệm đồng chí Tố Hữu).

- UBND xã đã ban hành kế hoạch về việc triển khai các hệ thống phổ biến trong thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn xã, theo đó trong thời gian qua, UBND xã đã chủ động phối hợp với các tổ chức tài chính, các đơn vị thanh toán trung gian tổ chức 07 đợt về địa bàn các thôn, Nhà văn hóa xã để tạo tài khoản thanh toán trực tuyến ViettelPay. hiện nay, trên địa bàn xã Quảng Thọ đã có 1.065/1959 hộ gia đình có tài khoản ngân hàng phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt hóa đơn điện, nước, truyền hình, internet... Trong đó có 615 tài khoản ViettelPay; 450 tài khoản các ngân hàng khác.

- 100% cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách xã có tài khoản ViettelPay, ví điện tử Hues và tài khoản các ngân hàng khác và đã thực hiện thanh toán hóa đơn điện, nước, truyền hình, internet... không dùng tiền mặt.

- Đến nay, trên địa bàn xã đã thành lập 8 Tổ công nghệ số cộng đồng và thực hiện đề án 06 (gọi chung là Tổ) với 73 thành viên; trong đó:

+Thành viên theo nhóm giới tính: Nam là 46 thành viên, chiếm tỷ lệ 63%, nữ là 27 thành viên chiếm tỷ lệ 37%, độ tuổi trung bình 33 tuổi.

+ Thành viên theo nhóm đoàn thể: Công an là 3 thành viên, công chức cấp xã là 14 thành viên, đoàn thanh niên là 14 thành viên, tổ dân phố là 42 thành viên.

- Tổ công nghệ số cộng đồng trong thời gian qua hoạt động hiệu quả, các thành viên Tổ công nghệ số hoạt động tích cực. Đến nay, Tổ công nghệ số cộng đồng và thực hiện Đề án 06 các thôn trên địa bàn xã đã triển khai tạo và cập nhật 2018 địa chỉ số, đạt tỉ lệ 100% địa chỉ số các hộ dân, trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn;

d) Xây dựng mô hình Hợp tác xã số, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ số và từng bước triển khai một số dịch vụ cho Kinh tế số

- Đã phối hợp với Hợp tác xã Nông nghiệp số triển khai giải pháp quản trị HTX thông minh, quản lý sản xuất, và hỗ trợ ra quyết định: Ứng dụng hệ thống quan trắc theo thời gian thực và hỗ trợ điều hành và quản lý sản xuất nông nghiệp. Cung cấp giải pháp truy xuất nguồn gốc và máy in tem truy xuất nguồn gốc tại HTX Nông nghiệp Quảng Thọ II. Đến nay, HTX Nông nghiệp Quảng Thọ đã tiến hành in tem truy xuất cho 06 sản phẩm gồm: Trà rau má Quảng Thọ túi lọc + Tim sen Huế; Trà rau má Quảng Thọ sao khô; Bột Matcha rau má Quảng Thọ (Gói 100gram); Bột Matcha Rau má Quảng Thọ (hộp 50 gói * 1.2gram); Trà rau má Quảng Thọ sao khô; Trà rau má Quảng Thọ túi lọc.

- Quảng bá Du lịch của xã bằng công nghệ mô hình hoá 3D và AR (thực tại ảo tăng cường) gắn với quảng bá và thương mại sản phẩm đặc hữu địa phương: Đã phối hợp với Trung tâm CNTT tỉnh; Hợp tác xã Nông nghiệp số tiến hành quay, chụp 08 điểm trên địa bàn xã (khu di tích lịch sử, địa điểm du lịch, sản xuất) bằng công nghệ camera 360, 3D và AR (thực tại ảo tăng cường) nhằm quảng bá vẻ đẹp quê hương, phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn xã.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác cải cách hành chính đã được UBND huyện, Đảng ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân xã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo, thể chế hành chính ngày càng đổi mới, đúng pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, đã được đầu tư cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị phục vụ cho công tác cải cách hành chính.

- Công tác tuyên truyền về CCHC ngày phong phú, đa dạng và đi vào chiều sâu góp phần nâng cao nhận thức của người dân về CCHC. Từ đó, tỷ lệ người dân giải quyết hồ sơ TTHC trực tuyến ở địa phương ngày càng tăng.

- Công tác niêm yết, tra cứu TTHC đã được UBND xã vận dụng sáng tạo bằng triển khai các mã QR Code tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND xã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong tra cứu TTHC và nộp hồ sơ trực tuyến.

- Công tác xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số đạt được những kết quả nổi bật, đáp ứng yêu cầu công tác điều hành của lãnh đạo cũng như thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức xã.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, khuyết điểm

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, tuy vậy công tác cải cách hành chính tại UBND xã vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như:

- Do đặc điểm dân cư ở vùng nông thôn nên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin (trong đó có nộp hồ sơ trực tuyến) có phần còn hạn chế, tỉ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình chưa đạt cao.

- Tỉ lệ hồ sơ TTHC thực hiện giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích còn hạn chế do người dân ở địa phương đa số khoảng cách từ nhà đến UBND xã

gần nên thường đưa hồ sơ trực tiếp đến nộp, không sử dụng dịch vụ BCCI.

2.2. Nguyên nhân

- Đời sống của người dân ở nông thôn còn khó khăn, số lượng lớn nhân khẩu ở địa phương là người lớn tuổi nên khả năng ứng dụng CNTT còn hạn chế.

- Khoảng cách từ trụ sở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả đến các hộ dân là gần, do vậy người dân chưa ưu tiên sử dụng dịch vụ BCCI trong giải quyết TTHC, mới chỉ phát sinh chủ yếu trong dịch vụ trả căn cước công dân tại nhà.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG TÂM

1. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử cho đội ngũ cán bộ, công chức

2. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm tính hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật. Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL do HĐND và UBND ban hành để khắc phục những thiếu sót về thể thức văn bản. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các nhiệm vụ và theo yêu cầu của cấp trên.

3. Thực hiện tốt công tác kiểm soát, rà soát TTHC, kịp thời phát hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền bãi bỏ các loại giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian giải quyết một số TTHC để cắt giảm các chi phí không cần thiết trong quá trình giải quyết TTHC của người dân, tổ chức, doanh nghiệp và thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến các quy định hành chính.

4. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính cũng như công khai hoá các thủ tục hành chính phải được thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử, cũng như trên đài truyền thanh xã.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, khai thác sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của UBND tỉnh. Đổi mới mạnh mẽ lề lối làm việc, phương pháp chỉ đạo điều hành và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu.

6. Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận hiện đại. Thực hiện tốt việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện nghiêm việc khảo sát mức độ hài lòng của người dân. Tiến tới triển khai thực hiện việc giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp ở toàn trình.

7. Tập trung tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Quy chế văn hóa công sở nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót.

8. Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cấp trên để cử cán bộ, công chức tham gia các khoá học nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, kỹ năng tin học, tập huấn khai thác và sử dụng có

hiệu quả các phần mềm được triển khai.

9. Căn cứ Quyết định số 969/QĐ-BNN-VPĐP ngày 16/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt danh mục mô hình thí điểm do Trung ương chỉ đạo thuộc Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn thông minh giai đoạn 2021-2025 (Đợt 1) và Công văn số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn tạm thời về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử để tham mưu các cấp ban hành Kế hoạch và triển khai xây dựng mô hình xã nông thôn mới thông minh Quảng Thọ, đảm bảo hiệu quả, tiến độ đã đề ra.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cấp trên hỗ trợ UBND cấp xã trên địa bàn triển khai hệ thống thanh toán trực tuyến tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã.

- Kiến nghị cấp trên quan tâm trang bị thêm máy Scan phục vụ số hóa hồ sơ, lưu trữ tài liệu bằng file mềm cho Bộ phận TN&TKQ UBND xã, tạo điều kiện tốt hơn trong việc thực hiện quy định về số hóa hồ sơ và lưu trữ tài liệu bằng file điện tử.

Trên đây là Báo cáo cải cách hành chính Quý III năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm trong thời gian tới./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- Các cơ quan, ban ngành cấp xã;
- Toàn thể CBCC xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Kim

Phụ lục 1**BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH***(Kèm theo Báo cáo số 165/BC-UBND ngày 05/9/2024 của UBND xã)*

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-------|--|------------------|---------|---------|
| | <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i> | Văn bản | 27 | |
| 2. | Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i> | % | 75,8 | |
| 2.1 | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 29 | |
| 2.2 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 22 | |
| 3. | Kiểm tra CCHC | | | |
| 3.1 | Số phòng đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| 3.2 | Số UBND cấp xã đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| 3.3 | Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra | % | | |
| 3.3.1 | <i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i> | Vấn đề | | |
| 3.3.2 | <i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i> | Vấn đề | | |
| 4 | Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao | | | |
| 4,1 | Tổng số nhiệm vụ được giao | Nhiệm vụ | | |
| 4.2. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn | Nhiệm vụ | | |
| 4,3 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn | Nhiệm vụ | | |
| 4,4 | Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành | Nhiệm vụ | | |
| 5 | Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao | | | |
| 5,1 | Tổng số nhiệm vụ được giao | Nhiệm vụ | 15 | |
| 5,2 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn | Nhiệm vụ | 15 | |
| 5,3 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn | Nhiệm vụ | 00 | |
| 5,4 | Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành | Nhiệm vụ | 00 | |

| | | | | |
|----------|---|--|----------|--|
| 6 | Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức | Có = 1; Không = 0 | 1 | |
| 6,1 | Số lượng phiếu khảo sát | Số lượng | 184 | |
| 6,2 | Hình thức khảo sát | Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2 | 0 | |
| 7 | Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp | Không = 0 Có = 1 | 1 | |

Phụ lục 2**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỂ CHẾ***(Kèm theo Báo cáo số 165/BC-UBND ngày 05/9/2024 của UBND xã)*

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------|-----------|---------|
| | <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành | Văn bản | | |
| 1.1. | Số VBQPPL do cấp huyện ban hành | Văn bản | | |
| 1.2. | Số VBQPPL do cấp xã ban hành | Văn bản | 01 | |
| 2. | Kiểm tra, xử lý VBQPPL | | | |
| 2.1. | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền | Văn bản | 01 | |
| 2.2. | Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra | % | 100 | |
| 2.2.1. | <i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i> | <i>Văn bản</i> | <i>00</i> | |
| 2.2.2. | <i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i> | <i>Văn bản</i> | <i>00</i> | |
| 3. | Rà soát VBQPPL | | | |
| 3.1. | Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền | Văn bản | 01 | |
| 3.2. | Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát | % | 100 | |
| 3.2.1. | <i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i> | <i>Văn bản</i> | <i>00</i> | |
| 3.2.2. | <i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i> | <i>Văn bản</i> | <i>00</i> | |

Phụ lục 3
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số 165/BC-UBND ngày 05/9/2024 của UBND xã)

| STT | Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|------------------|---------|---------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Thống kê TTHC | | | |
| 1.1. | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương | Thủ tục | | |
| 1.1.1. | <i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i> | <i>Thủ tục</i> | | |
| 1.1.2. | <i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i> | <i>Thủ tục</i> | 217 | UBND cấp xã báo cáo |
| 2. | Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông | | | |
| 2.1. | Số TTHC liên thông cùng cấp | Thủ tục | 03 | |
| 2.2. | Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền | Thủ tục | 80 | |
| 2.3. | Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính. | Thủ tục | 80 | |
| 3. | Kết quả giải quyết TTHC | | | |
| 3.1. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | | |
| 3.1.1. | <i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i> | <i>Hồ sơ</i> | | |
| 3.1.2. | <i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i> | <i>Hồ sơ</i> | | |
| 3.2. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 100 | UBND cấp xã báo cáo |
| 3.2.1. | <i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i> | <i>Hồ sơ</i> | 515 | |
| 3.2.2. | <i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i> | <i>Hồ sơ</i> | 442 | |
| 3.3. | Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC | % | 100 | |
| 3.3.1. | <i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i> | <i>Hồ sơ</i> | 00 | |
| 3.3.2. | <i>Số PAKN đã giải quyết xong</i> | <i>Hồ sơ</i> | 00 | |

Phụ lục 4
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

(Kèm theo Báo cáo số 165/BC-UBND ngày 05/9/2024 của UBND xã)

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|------------------|---------|---------|
| | (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy | | | |
| 1.1. | Tỷ lệ hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn cấp huyện đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ | % | | |
| 1.2. | Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) tại địa phương | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.2.1 | Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp huyện | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.2.2 | Tỷ lệ ĐVSNNCL đã cắt giảm so với năm 2015 | % | | |
| 2. | Số liệu về biên chế công chức | | | |
| 2.1. | Tổng số biên chế được giao trong năm | Người | 20 | |
| 2.2. | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 20 | |
| 2.3. | Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính | Người | | |
| 2.4. | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | | |
| 2.5. | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015 | % | | |
| 3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập | | | |
| 3.1. | Tổng số người làm việc được giao | Người | | |
| 3.2. | Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | | |
| 3.3. | Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | | |
| 3.4. | Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015 | % | | |

Phụ lục 5
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ
(Kèm theo Báo cáo số 165/BC-UBND ngày 05/9/2024 của UBND xã)

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------|---------|---------|
| | <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Vị trí việc làm của công chức, viên chức | | | |
| 1.1. | Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.2. | Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.3. | Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra (nếu có) | Cơ quan, đơn vị | | |
| 2. | Tuyển dụng công chức, viên chức | | | |
| 2.1. | Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | | |
| 2.2. | Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt. | Người | | |
| 2.3. | Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên. | Người | | |
| 2.4. | Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển). | Người | | |
| 2.5. | Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt. | Người | | |
| 3. | Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm) | Người | | |
| 4. | Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền). | | | |
| 4.1. | Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật. | Người | | |
| 4.2. | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện bị kỷ luật. | | | |
| 4.3. | Số công chức cấp huyện bị kỷ luật. | Người | | |
| 4.4. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật. | Người | | |
| 4.5. | Số cán bộ, công chức cấp xã bị kỷ luật. | Người | 00 | |

Phụ lục 6
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

(Kèm theo Báo cáo số 165/BC-UBND ngày 05/9/2024 của UBND xã)

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|--------|---|------------------|---------|---------|
| | <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công | % | | |
| 1.1. | Kế hoạch được giao | Triệu đồng | 7000 | |
| 1.2. | Đã thực hiện | Triệu đồng | 320 | |
| 2. | Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | | | |
| 2.1. | Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương | Đơn vị | | |
| 2.2. | Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư | Đơn vị | | |
| 2.3. | Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên | <i>Đơn vị</i> | | |
| 2.4. | Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên | <i>Đơn vị</i> | | |
| 2.4.1. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i> | <i>Đơn vị</i> | | |
| 2.4.2. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i> | <i>Đơn vị</i> | | |
| 2.4.3. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i> | <i>Đơn vị</i> | | |
| 2.5. | Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | Đơn vị | | |
| 2.6. | Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | Đơn vị | | |

Phụ lục 7

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ*(Kèm theo Báo cáo số 165/BC-UBND ngày 05/9/2024 của UBND xã)*

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|--------|---|--|---------|---------------------|
| | <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất | Chưa = 0 Hoàn thành = 1 | 1 | |
| 2. | Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i> | Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2 | 2 | |
| 3. | Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia | % | 100 | |
| 4. | Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP). | Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2 | 2 | |
| 5. | Số liệu về trao đổi văn bản điện tử | | | |
| 5.1. | Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã | | | |
| 5.1.1. | <i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i> | % | | |
| 5.1.2. | <i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i> | % | 100 | |
| 5.2. | Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i>) | % | 100 | |
| 5.2.1 | <i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i> | | | |
| 5.2.2 | <i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i> | % | 100 | UBND cấp xã báo cáo |
| 5.3. | Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh | | | |
| 5.3.1. | <i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i> | % | | |
| 5.3.2. | <i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i> | % | 100 | |
| 6. | Cung cấp dịch vụ công trực tuyến | | | |

| | | | | |
|--------|--|----------------|----|--|
| 6.1. | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần | % | 26 | |
| 6.1.1. | <i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần</i> | <i>Thủ tục</i> | 34 | |
| 6.1.2. | <i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần</i> | <i>Thủ tục</i> | 34 | |
| 6.1.3. | <i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i> | <i>Thủ tục</i> | 00 | |
| 6.2. | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình | % | 56 | |
| 6.2.1. | <i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình</i> | <i>Thủ tục</i> | 56 | |
| 6.2.2. | <i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình</i> | <i>Thủ tục</i> | 00 | |
| 6.2.3. | <i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i> | <i>Thủ tục</i> | 00 | |
| 6.3. | Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia | % | | |
| 6.3.1. | <i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình của địa phương</i> | <i>Thủ tục</i> | 90 | |
| 6.3.2. | <i>Số TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i> | <i>Thủ tục</i> | | |
| 6.4. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến một phần và toàn trình (Chỉ thống kê đối với các TTHC một phần và 4 có phát sinh hồ sơ) | % | 00 | |
| 6.4.1. | <i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i> | <i>Hồ sơ</i> | | |
| 6.4.2. | <i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i> | <i>Hồ sơ</i> | | |
| 6.5. | Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến | % | 00 | |
| 6.5.1. | <i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i> | <i>Thủ tục</i> | | |
| 6.5.2. | <i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i> | <i>Thủ tục</i> | | |